

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 259/2019/DS-PT

Ngày: 11-10-2019

V/v T/c về đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trần Văn Khánh

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Thu

Ông Phạm Phước Thiện

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Thành, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 264/2019/TLPT-DS ngày 16 tháng 9 năm 2019 về việc “Tranh chấp về đòi tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 284/2019/QĐ-PT ngày 23 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đặng Thị Ngọc H, sinh năm 1976. Địa chỉ: Tổ 16A, ấp S, xã P, huyện G, tỉnh T.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc H: Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1967. Địa chỉ: Ấp 2, xã T, huyện C, tỉnh B (có mặt).

2. Bị đơn: Bà Võ Thị B, sinh năm 1990. Địa chỉ: Ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L (có mặt).

Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho bị đơn Võ Thị B: Luật sư Phan Phụng Đức D - Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn T - Chi nhánh Long An, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969. Địa chỉ: Khu phố 4, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh L (xin vắng mặt).

- Người kháng cáo: Bị đơn Võ Thị B.

- Cơ quan kháng nghị: Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/3/2019 của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc H và ý kiến trình bày của ông Phạm Văn Y (đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc H) trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, được tóm tắt như sau: Trước đây, bà Võ Thị B là nhân viên tại doanh nghiệp do bà H làm chủ. Bà H có nợ bà Nguyễn Thị T 100.000.000đồng. Ngày 13-4-2013, bà H đưa cho bà B 100.000.000đồng nhờ trả cho bà T (Bà B có ký biên nhận). Sau này, bà H mới biết là bà B chưa đưa tiền cho bà T nên bà H đã trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T. Do bà H còn nợ tiền gia đình bà B nên ngại đòi bà B. Khi gia đình bà B khởi kiện bà H xong, bà H yêu cầu bà B trả số tiền 100.000.000đồng nhiều lần nhưng bà B không trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà B phải trả cho bà H số tiền 100.000.000đồng. Bà H không yêu cầu chồng bà B cùng trả.

- Tại Bản tự khai ngày 05/4/2019, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, bị đơn Võ Thị B trình bày tóm tắt như sau: Ngày 13/4/2013, bà có nhận của bà H số tiền 100.000.000đồng để trả cho bà T. Chữ ký, chữ viết trong giấy biên nhận viết tay có nội dung “... B có cầm tiền trả cho bác 5 Tâm ...” mà bà H nộp có trong hồ sơ vụ án là chữ viết, chữ ký của bà. Bà đã đưa tiền cho bà T theo yêu cầu của bà H, có con của bà H là Ngọc H chứng kiến, bà T có lập biên nhận nội dung có nhận 100 triệu đồng bà H trả và bảo bà đem về, bà H có điện thoại cho bà T để xác nhận sự việc. Giấy biên nhận bà H làm chứng cứ khởi kiện bà là do bà viết vào sổ công nợ của bà H sau khi đi trả tiền cho bà T về. Qua bao nhiêu năm, bà H không nhắc gì về số tiền trên. Tháng 02/2014, cha mẹ bà có cho bà H mượn tiền làm ăn. Tháng 5-2014, bà lập gia đình nên nghỉ việc ở công ty của bà H. Tháng 02/2019, cha mẹ bà kiện bà H đòi tiền. Tháng 3/2019, bà H khởi kiện bà đòi tiền. Bà không đồng ý trả số tiền 100.000.000đồng theo yêu cầu của bà H, vì bà đã giao tiền cho bà T xong.

- Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019 và bản tự khai ngày 14/5/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T trình bày: Bà và bà H là chỗ quen biết làm ăn, bà B là nhân viên của bà H nên bà biết bà B. Trước đây, khi bà và bà H làm ăn qua lại, bà H mượn tiền bà nhiều lần, nhưng đều đã trả xong, bà không ghi sổ sách, chỉ ghi biên nhận cho nhau, trả xong thì hủy bỏ biên nhận nên bà không nhớ cụ thể, thời gian, số tiền. Đối với số tiền 100.000.000đồng mà bà H đang khởi kiện bà B cũng vậy, vì bà H không còn nợ tiền bà, bà không để ý nên không nhớ đã nhận tiền từ ai và thời gian nào. Nếu bà H còn thiếu tiền thì còn giấy nợ, bà mới nhớ để đòi. Nếu bà có nhận tiền, bà sẽ lập biên nhận hoặc đưa hủy bỏ giấy nợ, khi thanh toán xong không còn liên quan nên bà không nhớ. Trước đây còn làm ăn chung, Hoa là con bà H cũng thường ghé nên bà không nhớ. Bà yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt bà, vì bà không còn liên quan hay dính líu tiền bạc với bà H.

Sau khi thụ lý, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An tổ chức hòa giải tranh chấp giữa các bên nhưng kết quả không thành, nên đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An đã quyết định:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 147 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-

2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Võ Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Đặng Thị Ngọc H 100.000.000đồng (Một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền (phải trả cho người được thi hành án), hàng tháng, người phải thi hành án còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền vào thời hiệu yêu cầu thi hành án đối với các đương sự.

Ngày 06/8/2019, bà Võ Thị B kháng cáo không đồng ý toàn bộ bản án sơ thẩm. Bà B đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Ngày 09/8/2019, Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An ban hành Quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An theo hướng sửa toàn bộ bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự trình bày như sau:

- Bị đơn Võ Thị B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả tiền cho bà H như bản án sơ thẩm đã xử với lý do: Bà đã đem số tiền 100.000.000đồng trả cho bà 5 Tâm (bà T) vào ngày 13/4/2013, có làm biên nhận trả tiền với nội dung “Ngọc H đã trả cho 5 Tâm số tiền 100.000.000đồng”. Biên nhận này khi về bà đã giao lại cho bà H, nên bà mới viết nội dung trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T vào sổ theo dõi công nợ của bà H để biết.

- Đại diện nguyên đơn Đặng Thị Ngọc H là ông Phạm Văn Y vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý với kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện Kiểm sát. Ông Y cho rằng bà B nhận số tiền 100.000.000đồng từ bà H vào ngày 13/4/2013 nhưng không đem trả cho bà T, vì nếu có trả thì phải có xác nhận của bà T. Đến năm 2014, bà T đòi bà H trả số nợ tổng cộng là 300.000.000đồng, trong đó có khoản tiền 100.000.000đồng lẽ ra bà B đã trả cho bà T vào tháng 4/2013, thì bà H mới biết bà B không có đưa cho bà T số tiền 100.000.000đồng vào năm 2013, nên bà H phải giao cho bà T 01 phần đất để cầm trả số nợ vào năm 2014. Điều này đã được bà T xác nhận là hiện nay giữa bà H và bà T đã không còn nợ. Bà B cho rằng khi bà B trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T thì có cháu Ngọc H chứng kiến, nhưng qua đối chất tại tòa sơ thẩm, chính cháu Ngọc H không thừa nhận việc này, cho thấy lời trình bày của bà B về việc đã trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T là không đúng. Bà B nhận tiền từ bà H để trả cho bà T, nhưng bà B không trả, thì bà B có nghĩa vụ phải trả lại số tiền trên cho bà H. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện Kiểm sát, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Luật sư Phan Phụng Đức D phát biểu ý kiến bảo vệ quyền lợi cho bị đơn như sau: Án sơ thẩm xử buộc bà B trả cho bà H số tiền 100.000.000đồng là không có căn cứ. Bởi lẽ, khi bà B nhận số tiền 100.000.000đồng từ bà H thì bà B đã đem trả cho Bà 5 Tâm (tức

là bà T) và bà B đã ghi rõ vào sổ theo dõi, quản lý của bà H. Tại bản khai ngày 14/5/2019 bà T đã xác định từ năm 2013, giữa bà T và bà H đã không còn bất kỳ khoản nợ nào và 02 bên cũng không còn qua lại từ năm 2013 đến nay, thì không thể có việc vào năm 2014 bà H thanh toán nợ cho bà Thật số tiền 300.000.000đồng bằng hình thức giao đất cần trừ nợ như lời trình bày của ông Yên. Trong quá trình giải quyết vụ án, bà H cho rằng có gặp bà T để trả số tiền 100.000.000đồng, nhưng cũng không có chứng cứ gì. Chứng cứ bà H đưa ra là tờ giấy có ghi nội dung: “Ngày 13-4-2013. 1h20 phút. B có cầm tiền trả cho bác 5 Tâm số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng chẵn)”, đây chỉ là nội dung bà B ghi để xác nhận lại việc bà B đã trả số tiền 100.000.000đồng cho bà 5 Tâm chứ không phải là việc bà B xác định chưa trả số tiền này. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện kiểm sát, sửa toàn bộ án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm như sau:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tiến hành tố tụng và các đương sự tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Kháng cáo của bà Bé và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An được thực hiện đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

- Về nội dung vụ án: Bà H khởi kiện bà B đòi số tiền 100.000.000đồng, chứng cứ bà H sử dụng là tờ giấy có nội dung: “Ngày 13-4-2013. 1h20 phút. B có cầm tiền trả cho bác 5 Tâm số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng chẵn)”. Tuy nhiên, chứng cứ này không có nội dung nào thể hiện bà B không có trả số tiền 100.000.000đồng cho bà T. Án sơ thẩm sử dụng lời khai của cháu Ngọc H là con của bà H về việc không chứng kiến, không biết việc bà B trả số tiền 100.000.000đồng cho bà Thật, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không đúng, bởi vì cháu Ngọc H là con ruột của bà H, là nguyên đơn trong vụ án. Bà H cho rằng do bà B không trả khoản tiền 100.000.000đồng cho bà T nên bà là người phải trả số tiền trên cho bà T nhưng cũng không có chứng cứ gì chứng minh có việc bà trực tiếp trả tiền cho bà T, trong khi bà T xác định từ năm 2013 đến nay bà T và bà H không còn nợ nần gì. Từ nội dung đơn kiện, các bản khai của bà H tại cấp sơ thẩm đều mâu thuẫn với trình bày của bà T về việc thời gian trả nợ. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện nguyên đơn cũng không có chứng cứ nào xác định thời gian bà H gặp bà T để trả tiền, trả bao nhiêu tiền, có hay không việc cần trừ nợ bằng đất. Từ những tình tiết đó cho thấy việc bà H khởi kiện đòi bà B trả số tiền 100.000.000đồng là không có căn cứ. Án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là không phù hợp, đề nghị chấp nhận kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện Kiểm sát, sửa toàn bộ án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về Tố tụng: Kháng cáo của bà Võ Thị B và Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An được thực hiện đúng thủ tục luật định, nên vụ án được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Ngày 02/10/2019, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét kháng cáo của bà B và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà H căn cứ vào tờ giấy có nội dung: “Ngày 13-4-2013. 1h20 phút. B có cầm tiền trả cho bác 5 Tâm số tiền 100.000.000 (một trăm triệu đồng chẵn)” để cho rằng bà B cầm số tiền 100.000.000đồng của bà để đi trả cho bà T (5 Tâm) nhưng không có trả, dẫn đến sau này bà phải trả số tiền trên cho bà T, nên bà B phải trả lại số tiền 100.000.000đồng trên cho bà. Tuy nhiên, đối chiếu các tài liệu có trong hồ sơ như: Bản khai ngày 14/5/2019 của bà T (bút lục 56), Biên bản lấy lời khai ngày 23/7/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ đối với bà T (bút lục 66), đã thể hiện bà T xác định từ năm 2013 giữa bà H và bà T không còn nợ nần hay qua lại gì với nhau. Điều đó, cho thấy có việc trả nợ cho bà T vào năm 2013 và từ năm 2013 giữa bà H và bà T đã không còn nợ. Lời trình bày của bà B về việc đã nhận số tiền 100.000.000đồng từ bà H để trả cho bà T và đã trả cho bà T vào ngày 13/4/2013, là phù hợp lời trình bày của bà T về diễn tiến thời gian. Đơn khởi kiện ngày 15/3/2019 của bà H (bút lục 02), bản khai ngày 05/4/2019 của bà H (bút lục 53) cho rằng sau này mới gặp bà T để trả nợ là không phù hợp với lời trình bày của chủ nợ là bà T, nên không có căn cứ chấp nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Y cho rằng bà H phải trả nợ cho bà T số tiền 300.000.000đồng vào năm 2014 (trong đó có cả khoản tiền 100.000.000đồng mà bà B lẽ ra phải trả cho bà T vào năm 2013) bằng hình thức giao đất cấn trừ nợ, nhưng đây chỉ là trình bày miệng mà không có bất kỳ chứng cứ nào chứng minh. Trong khi, chính bà T xác nhận từ năm 2013, hai bên đã không còn nợ, thì không thể có việc đến năm 2014 bà H lại trả nợ cho bà T bằng hình thức giao đất cấn trừ nợ.

[2.2] Từ những phân tích trên, cho thấy lời trình bày của bà B về việc đã trả số tiền trên cho bà T vào ngày 13/4/2013 là đúng sự thật. Từ năm 2013, bà H đã không còn nợ nần gì bà T, nên không thể có việc sau đó bà H tiếp tục trả cho bà T số tiền 100.000.000đồng, đến năm 2019 bà H kiện bà B yêu cầu trả số tiền 100.000.000 đồng. Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H là chưa đánh giá đúng chứng cứ về lời khai của bà T và các tình tiết khách quan của vụ án. Kháng cáo của bà Võ Thị B, kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An, quan điểm của Luật sư và Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về việc không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Đặng Thị Ngọc H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa toàn bộ án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đặng Thị Ngọc H phải chịu toàn bộ do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Các đương sự còn lại không phải chịu.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị B không phải chịu, hoàn lại cho bà Bé khoản tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận kháng cáo của bà Võ Thị B và kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

2. Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 08/2019/DS-ST ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

3. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Ngọc H về việc đòi bà Võ Thị B trả số tiền 100.000.000đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Đặng Thị Ngọc H phải nộp 5.000.000đồng. Chuyển số tiền 2.500.000đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà H đã nộp theo biên lai thu số 0004453 ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An sang thi hành án phí dân sự sơ thẩm, nên bà H còn phải nộp tiếp số tiền 2.500.000đồng án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

5. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Võ Thị B không phải chịu. Hoàn lại cho bà B khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0004642 ngày 07/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

7. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND tỉnh Long An;
- TAND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Văn Khánh